

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT- BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ - ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 1973/QĐ - ĐHH ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT - BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và qui trình xây dựng, thẩm định ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

Căn cứ Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 2070/QĐ – ĐHH ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế;

Xét đề nghị của Bà Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế (*Quy định về đào tạo thạc sĩ đính kèm theo Quyết định này*);

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ;

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng các Khoa, Bộ môn, Trưởng các Phòng chức năng, các Trung tâm có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, Phòng ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Hoàng Văn Hiến

QUY ĐỊNH

Về đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế
*(Ban hành kèm theo Quyết định số:264/QĐ – ĐHKH ngày 22 tháng 10 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này liên quan đến tất cả các phương diện đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Bao gồm: tuyển sinh, chương trình đào tạo, hoạt động đào tạo, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở đào tạo, đơn vị đào tạo, giảng viên, học viên; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Khoa học trên cơ sở Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Huế.

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị, các khoa, bộ môn chuyên môn trong đào tạo sau đại học và cá nhân tham gia vào quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

3. Quy định này không áp dụng đối với chương trình đào tạo có vốn đầu tư nước ngoài và chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết với cơ sở đào tạo nước ngoài, do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Căn cứ vào sứ mạng của Trường Đại học Khoa học và nhu cầu của xã hội, mục tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học chuyên ngành hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo.

Điều 3. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy.

2. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ là tiếng Việt. Việc đào tạo thạc sĩ bằng ngôn ngữ nước ngoài do Đại học Huế quyết định theo quy định của Nhà nước.

3. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ từ một đến hai năm học. Cụ thể:

a) Tối thiểu 1 năm học đối với những ngành, chuyên ngành mà ở trình độ đại học có thời gian đào tạo từ 5 năm học trở lên và khối lượng kiến thức tích lũy được từ 150 tín chỉ trở lên;

b) Từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với những ngành, chuyên ngành không thuộc quy định tại Điểm a, Khoản này;

c) Căn cứ vào quy định về chương trình đào tạo tại Khoản 3, Điều 20 Quy định này, Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian đào tạo, việc kéo dài thời gian đào tạo phù hợp với từng ngành, chuyên ngành đào tạo tại các trường đại học thành viên. Thời gian đào tạo kéo dài không được quá hai năm so với thời gian quy định tại Điểm a, b Khoản này.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 4. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ gồm: thi tuyển đối với người Việt Nam và xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

2. Việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được tổ chức tối đa 2 lần mỗi năm theo kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Đại học Huế.

3. Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh do Đại học Huế qui định, bao gồm tuyển sinh trong và ngoài Đại học Huế trên cơ sở Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

4. Thông tin tuyển sinh của Đại học Huế và của Trường (bao gồm: phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh trong năm và địa điểm tổ chức tuyển sinh) phải được đăng tải trên trang web của Trường Đại học Khoa học và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Điều 5. Các môn thi tuyển sinh

1. Thi tuyển sinh bao gồm 3 môn thi được Đại học Huế và Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

a) Môn ngoại ngữ và trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển đối với từng ngành, chuyên ngành đào tạo (bao gồm cả ngoại ngữ thứ hai cho người dự tuyển vào chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài) được xác định căn cứ vào yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của học viên trước khi bảo vệ luận văn được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 27 Quy định này;

b) Hai môn thi khác (môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành đào tạo, được xác định theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ; môn thi này có thể kiểm tra kiến thức một môn học hoặc tích hợp kiểm tra kiến thức một số môn học của trình độ đại học trong lĩnh vực ngành, chuyên ngành. Môn còn lại được gọi là môn không chủ chốt có thể kiểm tra kiến thức một môn học hoặc tích hợp kiểm tra kiến thức một số môn học chung cho nhiều ngành của trình độ đại học).

c) Đối với ngành, chuyên ngành đặc thù hoặc chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, Trường có thể đề nghị Đại học Huế và báo cáo Bộ Giáo dục Đào tạo thay môn không chủ chốt bằng phương thức kiểm tra năng lực khác phù hợp với yêu cầu của

ngành, chuyên ngành, chương trình đào tạo. Việc thay thế này (nếu có) phải được quy định cụ thể về yêu cầu kiểm tra, thang điểm và thực hiện đối với tất cả các thí sinh dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo.

2. Các môn thi tuyển sinh, phương thức kiểm tra năng lực thí sinh quy định tại Khoản 1 Điều này phải được xác định trong đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Việc thay đổi môn thi tuyển sinh hoặc thay đổi hình thức thi tuyển sang phương thức kiểm tra năng lực thí sinh do Hội đồng Khoa chuyên môn đề nghị và Giám đốc Đại học Huế xem xét và quyết định đồng thời báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi thông báo tuyển sinh.

3. Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của cơ sở đào tạo thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 27 Quy định này hoặc tương đương (Phụ lục II) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận và được Hội đồng tuyển sinh chấp nhận. Đại học Huế thẩm định và chịu trách nhiệm về tính xác thực của chứng chỉ ngoại ngữ trước khi công nhận tương đương theo Phụ lục II. Các thí sinh miễn thi ngoại ngữ sử dụng chứng chỉ của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế phải tham dự kỳ thi được tổ chức tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế hai lần trước mỗi kỳ tuyển sinh đã được ghi trong thông báo tuyển sinh. Không chấp nhận miễn thi cho các trường hợp bổ sung sau khi Hội đồng tuyển sinh đã duyệt danh sách miễn thi ngoại ngữ.

Điều 6. Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi

1. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

2. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 1 Điều này) hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

3. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành khác với ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 2 Điều này).

4. Căn cứ vào đề nghị của Hội đồng Khoa, Hiệu trưởng phê duyệt Danh mục ngành đúng, ngành gần, ngành khác của Trường gửi Đại học Huế trong quá trình tuyển sinh. Danh mục này phải được Giám đốc Đại học Huế ký Quyết định ban hành và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh.

Điều 7. Học bổ sung kiến thức

1. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ theo quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 6 Quy định này phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự thi. Học viên phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí theo quy định hiện hành.

2. Trên cơ sở đề nghị của Trưởng Khoa chuyên môn phụ trách ngành, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, Phòng Đào tạo Sau đại học thẩm định và đề nghị Hiệu trưởng cho lập báo cáo gửi Giám đốc Đại học Huế quyết định:

a) Việc học bổ sung kiến thức đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp nhưng đã tốt nghiệp cách nhiều năm hoặc bằng do cơ sở đào tạo khác cấp, nếu thấy cần thiết;

b) Nội dung kiến thức cần học bổ sung cho người đăng ký dự thi theo quy định tại Khoản 1 và Điểm a Khoản này;

c) Hiệu trưởng công khai quy định về học bổ sung trên website của đơn vị đào tạo.

d) Phòng Đào tạo Sau đại học chịu trách nhiệm tổ chức học, thi và cấp chứng chỉ bổ túc kiến thức. Công việc này phải hoàn thành trước khi tổ chức kỳ thi tuyển sinh ít nhất 1 tháng.

Điều 8. Đối tượng và điều kiện dự thi

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:

1. Về văn bằng:

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Quy định này;

b) Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 và đã học bổ sung kiến thức theo quy định tại Điều 7 Quy định này;

c) Người tốt nghiệp đại học một số ngành khác theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4, Điều 6 Quy định này có thể đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý sau khi đã học bổ sung kiến thức theo quy định tại Điều 7 Quy định này;

d) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

đ) Căn cứ vào điều kiện của Trường và yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo, điều kiện văn bằng của thí sinh dự thi phải tuân thủ qui định của Giám đốc Đại học Huế.

2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: Tùy theo yêu cầu của từng ngành, chuyên ngành đào tạo, trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Khoa khi đề xuất mở đề án, Trường làm công văn đề nghị Giám đốc Đại học Huế quy định cụ thể điều kiện về thời gian làm việc chuyên môn để tích lũy kinh nghiệm thực tiễn trước khi đăng ký dự thi. Trường hợp người có bằng tốt nghiệp ngành khác đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý (chuyên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường...) thì phải có tối thiểu 2 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi và phải có xác nhận của cơ quan sử dụng lao động.

3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

4. Có đủ sức khoẻ để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học theo quy định tại Điểm e Khoản 1, Điều 9 của Quy định này, Ban tuyển sinh của Trường sẽ làm văn bản gửi Giám đốc Đại học Huế xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học.

5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Đại học Huế và của Trường.

Điều 9. Đối tượng và chính sách ưu tiên

1. Đối tượng ưu tiên:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; có xác nhận thời gian công tác của các cấp có thẩm quyền (UBND huyện, tỉnh; Sở; các trường đại học và tương đương);

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Mức ưu tiên:

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo Quy định này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản.

Điều 10. Thông báo tuyển sinh

1. Sau khi nhận được Thông báo tuyển sinh của Đại học Huế, Trường sẽ ra thông báo về kế hoạch tuyển sinh. Toàn bộ thông tin tuyển sinh phải được chuyển đến các tổ chức và cá nhân có nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực qua bưu điện, niêm yết tại bảng tin, đăng trên website của Trường Đại học Khoa học; trên trên báo và truyền hình địa phương và băng rôn quảng bá tuyển sinh.

2. Nội dung thông báo tuyển sinh sau đại học của Trường bao gồm: Tên chuyên ngành đào tạo bậc thạc sĩ; các môn thi tuyển sinh (xét tuyển), điều kiện dự thi (xét tuyển), loại hình đào tạo, thời gian đào tạo, môn thi hoặc kiểm tra được cộng điểm ưu tiên; hồ sơ đăng ký dự thi; địa điểm, thời gian nhận hồ sơ, thời gian bổ túc kiến thức, hướng dẫn đề cương ôn tập, lịch thi tuyển; thời điểm công bố kết quả tuyển sinh, các thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ thi tuyển sinh hoặc xét tuyển. Phòng Đào tạo Sau đại học chịu trách nhiệm gửi thông báo tuyển sinh trong các kỳ tuyển sinh hàng năm.

Điều 11. Đăng ký dự thi, gửi giấy báo thi

1. Hồ sơ, thủ tục đăng ký, xét duyệt hồ sơ đăng ký dự thi; việc lập danh sách thí sinh dự thi, làm thẻ dự thi, gửi giấy báo thi cho thí sinh thực hiện căn cứ theo quy định chung của Đại học Huế.

Phòng Đào tạo Sau đại học chịu trách nhiệm phát hành hồ sơ, thu nhận, xử lý hồ sơ đăng ký dự thi. Hồ sơ tuyển sinh cao học theo mẫu do Trường Đại học Khoa học ấn định. Chỉ nhận hồ sơ trực tiếp, không nhận hồ sơ qua đường bưu điện.

Chậm nhất trước ngày thi 35 ngày, Phòng Đào tạo Sau đại học lập danh sách thí sinh dự thi hoặc xét tuyển, danh sách thí sinh thi ngoại ngữ, thí sinh thuộc diện ưu tiên, thí sinh bổ túc kiến thức và lập báo cáo về tình hình thu nhận, kiểm tra hồ sơ để trình Đại học Huế trước khi thi tuyển.

Sau khi làm việc với Ban Đào tạo Đại học Huế, Phòng Đào tạo Sau đại học báo cáo danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi, danh sách miễn thi ngoại ngữ (kèm hồ sơ gốc), danh sách ưu tiên (kèm hồ sơ gốc), Kết quả hoặc chứng chỉ bổ túc kiến thức ngành gần đến Ban Đào tạo. Sau khi Hội đồng tuyển sinh họp phiên 1 xét duyệt các danh sách trên, sẽ không chấp nhận cho các trường hợp bổ sung. Những trường hợp đặc biệt phải có sự xét duyệt của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Sau đại học, Đại học Huế trước khi tổ chức thi tuyển. Những hồ sơ bổ sung sau kỳ thi tuyển sinh hoàn toàn không có giá trị. Những hồ sơ không hợp lệ, cơ sở tuyển sinh sẽ không hoàn trả lại cho thí sinh.

2. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi sẽ được Đại học Huế công bố công khai trên website của Đại học Huế chậm nhất 3 tuần trước khi thi môn đầu tiên.

Sau khi công bố Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi, Trường (Phòng Đào tạo Sau đại học) có trách nhiệm gửi Giấy báo thi cho thí sinh.

Điều 12. Hội đồng tuyển sinh và các Ban tuyển sinh Trường

1. Hội đồng tuyển sinh do Giám đốc Đại học Huế quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Các Phó Giám đốc Đại học Huế;
- c) Ủy viên thường trực: Trường hoặc Phó Trường Ban Đào tạo;
- d) Các ủy viên: Trường các Ban chức năng có liên quan, Văn phòng Đại học Huế; Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng, Khoa trưởng hoặc Phó Khoa trưởng các đơn vị đào tạo có liên quan trực tiếp đến kỳ thi.

2. Ban tuyển sinh Trường Đại học Khoa học có trách nhiệm giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh Đại học Huế. Ban có trách nhiệm xét duyệt điều kiện dự thi của thí sinh, giải quyết các trường hợp đặc biệt trong quá trình thu nhận và kiểm tra hồ sơ, tham gia Hội đồng tuyển sinh sau đại học của Đại học Huế. Ban tuyển sinh của Trường bao gồm: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Trường và Phó Phòng Đào tạo Sau đại học, chuyên viên phụ trách công tác tuyển sinh của Phòng chức năng. Ban tuyển sinh của Trường do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Đại học Huế ra quyết định thành lập.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên thường trực và các Ủy viên; tổ chức, tiêu chuẩn tham gia, nhiệm vụ, quyền hạn của các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh thực hiện theo quy định của Giám đốc Đại học Huế.

4. Người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự thi không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và bộ phận giúp việc cho Hội đồng.

Điều 13. Đề thi tuyển sinh

Căn cứ Thông tư 15 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Huế qui định về đề thi tuyển sinh sau đại học như sau:

- 1. Nội dung đề thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo các điều kiện:
 - a) Phù hợp với chương trình đào tạo trình độ đại học, đánh giá và phân loại được trình độ của thí sinh;
 - b) Phù hợp với thời gian quy định cho mỗi môn thi;
 - c) Đảm bảo tính khoa học, chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, bám sát và bao quát nội dung thi đã được công bố trong thông báo tuyển sinh của cơ sở đào tạo, trong phạm vi chương trình đào tạo trình độ đại học.
- 2. Dạng thức đề thi do Giám đốc Đại học Huế quyết định trên cơ sở đề nghị của trường đơn vị chuyên môn, được nêu rõ trong thông báo tuyển sinh. Dạng thức đề thi môn ngoại ngữ phải đảm bảo xác định được trình độ ngoại ngữ theo quy định của cơ sở đào tạo, căn cứ vào Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (sau đây gọi là Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).
- 3. Người ra đề thi (bao gồm người soạn thảo ngân hàng đề thi, người giới thiệu đề nguồn, trưởng môn thi và người phản biện đề thi) phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung thi, có tinh thần trách nhiệm, uy tín chuyên môn và có kinh nghiệm ra đề thi;
 - b) Ra đề thi môn ngoại ngữ phải là thạc sĩ trở lên; ra đề các môn thi khác phải là tiến sĩ;

c) Giữ bí mật về công tác ra đề thi, chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng đề thi; bị xử lý kỷ luật nếu ra đề thi sai hoặc vi phạm nguyên tắc, quy trình bảo mật đề thi.

4. Đề thi được sử dụng từ ngân hàng đề thi hoặc ra đề độc lập

a) Nếu sử dụng ngân hàng đề thi thì ngân hàng phải có tối thiểu 100 câu hỏi đối với hình thức thi tự luận hoặc có gấp 30 lần số lượng câu hỏi của mỗi đề thi đối với các hình thức thi khác để xây dựng tối thiểu 3 bộ đề thi cho mỗi môn thi; hoặc có tối thiểu 30 bộ đề thi hoàn chỉnh để chọn ngẫu nhiên lấy tối thiểu 3 đề thi;

b) Trong trường hợp ra đề độc lập, mỗi môn thi phải có tối thiểu 3 đề thi nguồn do 3 người khác nhau giới thiệu để trưởng môn thi tổ hợp thành hai hoặc ba đề thi. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh trực tiếp mời người giới thiệu đề thi, tiếp nhận đề thi nguồn và giữ bí mật thông tin về người ra đề thi.

5. Quy trình làm đề thi, công tác bảo mật đề thi, việc xử lý các sự cố bất thường của đề thi theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

6. Thang điểm của đề thi môn ngoại ngữ là thang điểm 100 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 100; thang điểm của đề thi các môn khác là thang điểm 10 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 10.

7. Giám đốc Đại học Huế quy định cụ thể về các vấn đề liên quan đến đề thi tuyển sinh theo yêu cầu của cơ sở đào tạo và yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo.

8. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm về công tác tổ chức ra đề thi theo đúng quy định của Quy chế này và quy định hợp pháp của cơ sở đào tạo; quyết định và chịu trách nhiệm về việc xử lý các sự cố bất thường phát sinh trong công tác đề thi nhưng chưa được quy định.

Điều 14. Tổ chức thi tuyển sinh

1. Đại học Huế chịu trách nhiệm trong tổ chức tuyển sinh. Các môn thi được tổ chức trong các ngày thi liên tục. Lịch thi cụ thể của kỳ thi phải đưa vào nội dung thông báo tuyển sinh. Khu vực thi phải được bố trí tương đối độc lập, an toàn, yên tĩnh; phải đảm bảo tối thiểu 2 giám thị/ tối đa 30 thí sinh; khoảng cách giữa hai thí sinh liền kề nhau trong phòng thi phải từ 1,2m trở lên. Giám đốc Đại học Huế quy định cụ thể việc tổ chức thi tuyển sinh để đảm bảo minh bạch, an toàn, nghiêm túc, chất lượng; quy định thời gian làm bài của từng môn thi, nội quy phòng thi, tiêu chuẩn giám thị và các vấn đề khác theo yêu cầu của việc tổ chức kỳ thi tuyển sinh. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm tổ chức kỳ thi tuyển sinh theo Quy định này và quy định hợp pháp của cơ sở đào tạo.

2. Trường Đại học Khoa học tham gia làm nhiệm vụ tuyển sinh trên cơ sở điều động của Ban tuyển sinh Đại học Huế.

Điều 15. Chấm thi tuyển sinh

1. Trên cơ sở Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Đại học Huế quy định cụ thể về quy trình xây dựng đáp án, tiêu chuẩn cán bộ chấm thi, xử lý kết quả chấm thi, phúc khảo điểm thi và các vấn đề cần thiết khác theo yêu cầu của việc chấm thi tuyển sinh. Không thực hiện việc làm tròn điểm trong kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ. Trường

ban chấm thi chịu trách nhiệm về công tác tổ chức chấm thi tuyển sinh theo đúng Quy định này và quy định hợp pháp của cơ sở đào tạo; phải kịp thời báo cáo với chủ tịch hội đồng tuyển sinh về các sự cố bất thường, chưa được quy định, phát sinh trong công tác chấm thi để được chỉ đạo giải quyết. Cán bộ chấm thi chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về chấm thi; đảm bảo việc chấm thi công bằng, khách quan, theo đúng đáp án; chịu trách nhiệm về kết quả chấm thi và bị xử lý kỷ luật nếu chấm sai dẫn đến thay đổi kết quả trúng tuyển của thí sinh.

2. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập hoặc ủy quyền cho một cơ sở đào tạo hoặc một đơn vị chuyên môn đúng chuyên ngành thành lập hội đồng chấm thẩm định một phần hoặc toàn bộ số bài thi tuyển sinh. Hội đồng này có tối thiểu 3 người, làm việc theo nguyên tắc nhất trí, có thẩm quyền quyết định cuối cùng về điểm chính thức của bài thi. Việc tổ chức đối thoại giữa hội đồng chấm thẩm định bài thi tuyển sinh với các cán bộ chấm thi, chấm phúc khảo hoặc yêu cầu giải trình trước khi kết luận điểm thi do chủ tịch hội đồng chấm thẩm định quyết định, trên cơ sở đề nghị của các thành viên hội đồng.

Điều 16. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển

Điều kiện xét trúng tuyển tuân thủ qui định trong Thông tư 15 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể:

1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi, kiểm tra (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi, kiểm tra của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), Hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi, kiểm tra nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

b) Người có điểm môn cơ sở của ngành, chuyên ngành cao hơn;

c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

4. Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Đại học Huế được Giám đốc Đại học Huế căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt hoặc tiếng Anh để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

Điều 17. Quyết định trúng tuyển và công nhận học viên

Đại học Huế chịu trách nhiệm công nhận và ra quyết định công nhận trúng tuyển. Cụ thể:

1. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh báo cáo Giám đốc Đại học Huế và Hội đồng tuyển sinh kết quả xét tuyển, thi tuyển; dự kiến phương án xác định điểm trúng tuyển, dự kiến danh sách thí sinh trúng tuyển. Thông qua Hội đồng tuyển sinh, Giám đốc Đại học Huế quyết định phương án xác định điểm trúng tuyển trên cơ sở chỉ tiêu đã xác định, ký duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển, thông báo công khai trên website của cơ sở đào tạo.

2. Sau khi có kết quả từ Hội đồng tuyển sinh, Đại học Huế lập Giấy báo điểm, Giấy báo trúng tuyển, Trường gửi đến tất cả thí sinh.

3. Giám đốc Đại học Huế ra quyết định công nhận học viên của khóa đào tạo trình độ thạc sĩ cho những thí sinh trúng tuyển. Các đơn vị đào tạo lập và gửi Giấy báo nhập học đến các thí sinh trong danh sách trúng tuyển trước ngày nhập học tối thiểu 15 ngày.

4. Đại học Huế báo cáo kết quả tuyển sinh đến Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 33 Quy định này.

Điều 18. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh

1. Hoạt động thanh tra tuyển sinh thực hiện theo quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hoạt động kiểm tra công tác tuyển sinh thực hiện theo quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cơ quan quản lý có thẩm quyền.

2. Bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản của cơ sở đào tạo thành lập các đoàn thanh tra hoặc cử cán bộ phối hợp với Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành thanh tra việc thực hiện các quy định về tuyển sinh ở các cơ sở đào tạo trực thuộc.

3. Giám đốc Đại học Huế có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ các khâu trong công tác tuyển sinh tại cơ sở mình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Những người có người thân (bố, mẹ; vợ, chồng; con; anh, chị, em ruột) dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 19. Xây dựng chương trình đào tạo

Căn cứ vào nhu cầu của xã hội và đặc điểm của từng chuyên ngành, các đơn vị đào tạo của Trường Đại học Khoa học có thể xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng. Chương trình đào tạo phải đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu là 60 tín chỉ.

1. Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để

có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. Sau 2 khóa đào tạo liên tiếp, các Khoa chuyên môn cần tổ chức rút kinh nghiệm về các hình thức đào tạo và có thể đề nghị Trường, Đại học Huế thay đổi hình thức, chương trình đào tạo nếu cần thiết.

Điều 20. Yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình đào tạo

Các đơn vị chuyên môn khi xây dựng chương trình phải đảm bảo các yêu cầu của Bộ GD và ĐT sau đây:

1. Căn cứ vào năng lực, điều kiện và định hướng phát triển đối với từng ngành, chuyên ngành đào tạo của đơn vị đào tạo và nhu cầu thực tế của việc sử dụng nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ để xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và theo định hướng ứng dụng.

2. Xác định rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra của mỗi ngành, chuyên ngành đào tạo; khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình và yêu cầu đối với luận văn phù hợp với định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng và phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu 60 tín chỉ đối với đào tạo thạc sĩ theo Thông tư 07 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các chương trình đào tạo một năm học; một năm rưỡi và chương trình đào tạo hai năm thực hiện theo các văn bản hướng dẫn thực hiện Thông tư 15 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Nội dung chương trình hướng vào việc thực hiện mục tiêu và đạt được chuẩn đầu ra đã được xác định; đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; nâng cao năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành, chuyên ngành đào tạo. Phần kiến thức ở trình độ đại học, nếu cần thiết phải nhắc lại thì không được quá 5% thời lượng quy định cho mỗi học phần.

Điều 21. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (kể cả định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng) gồm ba phần: kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, luận văn thạc sĩ.

1. Phần kiến thức chung: bao gồm học phần triết học và ngoại ngữ

a) Học phần triết học: có khối lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Học phần ngoại ngữ: căn cứ trình độ ngoại ngữ của người trúng tuyển và yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 27 Quy chế này. Học viên có thể học học phần ngoại ngữ nếu có nhu cầu.

2. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành: bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Trong đó, các học phần tự chọn chiếm tối thiểu 30% khối lượng chương trình đào tạo. Các khoa chuyên môn phải tổ chức xây dựng số học phần tự chọn nhiều hơn số học phần mà học viên được chọn. Với mỗi ngành, có phần kiến thức cơ sở chung cho tất cả các chuyên ngành của ngành đó.

3. Luận văn: Luận văn theo định hướng nghiên cứu có khối lượng tối thiểu 7 tín chỉ, tối đa 12 tín chỉ. Đối với luận văn thạc sĩ ứng dụng tối thiểu 7 tín chỉ, tối đa 10 tín chỉ.

4. Tùy theo chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu hoặc theo định hướng ứng dụng, khoa chuyên môn quyết định tỷ lệ kiến thức cơ sở, chuyên ngành và luận văn trong chương trình đào tạo.

Điều 22. Thẩm quyền xây dựng và ban hành chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo do các khoa chuyên môn tổ chức xây dựng theo quy định hiện hành về điều kiện mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và về quy trình xây dựng. Đại học Huế có trách nhiệm thẩm định chương trình đào tạo. Sau khi Đại học Huế thẩm định, Hiệu trưởng ký Quyết định ban hành chương trình đào tạo tại các trường đại học thành viên, Đại học Huế ký Quyết định ban hành chương trình đào tạo tại các khoa, viện nghiên cứu, phân hiệu trực thuộc. Đối với chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, việc xây dựng chương trình đào tạo phải có sự tham gia của tổ chức hoặc cá nhân làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực sử dụng lao động sau đào tạo.

2. Sau mỗi khoá học, các khoa chuyên môn phải xem xét việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và tiếp cận với chương trình đào tạo của các nước tiên tiến trình Đại học Huế thẩm định. Việc sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo (nếu có) thực hiện theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hiện hành.

3. Giám đốc Đại học Huế quyết định việc sử dụng chương trình đào tạo thạc sĩ đang được áp dụng ở một trường đại học tiên tiến trên thế giới, đã được kiểm định bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, có điều chỉnh cho phù hợp với Việt Nam, đảm bảo học phần triết học theo đúng quy định, được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua và phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 23. Địa điểm đào tạo

1. Địa điểm đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế hoặc ở các cơ sở đào tạo liên kết của Trường đã được Bộ GD và ĐT và Đại học Huế cho phép sau khi các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và xác nhận đủ điều kiện thực tế đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định trước khi cho phép mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Trong trường hợp cần thiết, đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, hoặc các học phần thực hành, thực tập tập thể các địa phương, Trường sẽ lập đề án báo cáo Đại học Huế và Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc quyết định việc tổ chức đào tạo một phần chương trình ở ngoài cơ sở đào tạo, kể cả tại phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị.

Điều 24. Tổ chức đào tạo

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ ở Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế được thực hiện theo học chế tín chỉ.

2. Các khóa học trình độ thạc sĩ được tổ chức tập trung toàn bộ thời gian cho việc học tập nghiên cứu để thực hiện chương trình đào tạo.

Riêng đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, Trường có thể tổ chức tập trung từng đợt với điều kiện tổng thời gian tập trung để hoàn thành chương trình phải bằng thời gian theo quy định tại Điểm a, b Khoản 3, Điều 3 Quy định này. Trong trường hợp này, thời gian để hoàn thành khóa học theo kế hoạch phải dài hơn thời gian thiết kế để hoàn thành chương trình đào tạo và phải tuân thủ quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này.

Thời gian hoạt động giảng dạy trình độ thạc sĩ được thực hiện theo thời gian áp dụng cho hệ đại học chính quy của Trường, có sự phục vụ của thư viện và các đơn vị liên quan.

3. Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo thạc sĩ phải được thực hiện bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên.

4. Đầu khóa học, Phòng Đào tạo Sau đại học phải đăng tải chương trình đào tạo toàn khóa, đề cương chi tiết các học phần trong chương trình; kế hoạch học tập; kế hoạch thi học kỳ, kỳ thi phụ; thời gian tổ chức bảo vệ và bảo vệ lại luận văn; các quy định của đơn vị đào tạo có liên quan đến khóa học trên trang web của Trường và bằng văn bản.

Đề cương chi tiết học phần phải rõ mục tiêu, số tín chỉ, học phần tiên quyết, nội dung, hình thức tổ chức dạy học, hình thức và phương pháp đánh giá, học liệu của học phần và các nội dung khác theo yêu cầu của học phần và theo quy định của đơn vị đào tạo.

5. Trường không bắt buộc học viên phải học học phần ngoại ngữ tại cơ sở mình nhưng phải tổ chức giảng dạy (nếu học viên có nhu cầu) và đánh giá học phần theo quy định tại Khoản 4, Điều 25 của Quy định này.

6. Phòng Kế hoạch tài chính – Cơ sở vật chất và Phòng Đào tạo Sau đại học tham mưu cho nhà trường đầu tư xây dựng phòng học, trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm hoặc hợp đồng với các cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế... để đảm bảo điều kiện nghiên cứu, thử nghiệm, thực hành, ứng dụng thực tế cho người học phù hợp với yêu cầu của ngành, chuyên ngành và loại chương trình đào tạo. Kinh phí mua hóa chất phục vụ thí nghiệm đối với các chuyên ngành thuộc khoa học tự nhiên được thực hiện theo Chi tiêu nội bộ của Trường và hoạt động này phải được ghi rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

Điều 25. Thi, kiểm tra, đánh giá

1. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai, minh bạch các quy định về đánh giá và kết quả đánh giá học phần;

b) Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết. Sau khi kết thúc học phần tối đa 1 tuần, giảng viên nộp 2 đề thi + 2 đáp án theo mẫu cho Trợ lý Sau đại học của Khoa chuyên môn. Trợ lý Sau đại học của các Khoa chuyên môn nộp đề thi, đáp án cho Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng giáo dục tối thiểu 05 ngày trước kỳ thi. Đề thi phải có chữ ký của người ra đề và chữ ký của Khoa/Bộ môn chịu trách nhiệm quản lý chuyên môn (kể cả đề thi của giảng viên thỉnh giảng). Mã số và tên học phần ghi trong đề thi phải đúng với mã số và tên học phần có trong chương trình khung đào tạo của chuyên ngành. Đối với học phần 2 tín chỉ, thời gian làm bài tối đa là 90 phút, học phần 3 tín chỉ thời gian làm bài tối đa là 120 phút.

c) Sử dụng đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết của học phần;

d) Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần;

đ) Kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp...) phù hợp với yêu cầu của học phần; bài kiểm tra, tiểu luận phải được lưu ở khoa chuyên môn tối thiểu là 2 năm sau khi học viên tốt nghiệp mới thanh lý để phục vụ cho công tác thanh kiểm tra.

e) Kết hợp đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học.

2. Điểm kiểm tra, tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên (gọi là điểm quá trình) và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm thành phần được tính toán dựa trên qui định kiểm tra, đánh giá kết quả học phần do giảng viên ghi trong đề cương môn học đã được Hiệu trưởng phê duyệt. Học viên bỏ thi ở học phần nào sẽ bị điểm 0 ở học phần đó.

Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

3. Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 27 Quy định này thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học.

4. Đối với học phần ngoại ngữ (bao gồm cả ngoại ngữ thứ hai cho học viên theo học ngành, chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài): Căn cứ vào Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Điểm b, Khoản 2, Điều 27 của Quy định này, thủ trưởng đơn vị đào tạo tổ chức đánh giá học phần ngoại ngữ của học viên (bao gồm cả học viên không đăng ký học ngoại ngữ tại đơn vị đào tạo).

5. Học viên được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ, đủ điều kiện về ngoại ngữ theo Điểm b, Khoản 2, Điều 27 của Quy định này trong các trường hợp sau:

- a) Thuộc quy định tại các điểm a, b, c Khoản 3, Điều 5 Quy định này;
- b) Thuộc quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 5 Quy định này và chứng chỉ còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp luận văn theo quy định của cơ sở đào tạo;
- c) Học chương trình đào tạo thạc sĩ giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền cho phép; trình độ ngoại ngữ khi trúng tuyển tối thiểu đạt từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương; học viên được giảng dạy, viết và bảo vệ luận văn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

6. Thủ trưởng đơn vị đào tạo căn cứ vào các nội dung của Quy định này và Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành để quy định cụ thể các nội dung: tổ chức đánh giá học phần, số lần kiểm tra, điều kiện thi kết thúc học phần, trọng số điểm kiểm tra và điểm thi; sử dụng thang điểm 10 và/hoặc thang điểm chữ 5 bậc A, B, C, D, F (tương đương với năm loại: giỏi, khá, trung bình, trung bình yếu và kém) khi tính điểm học phần; học lại (bao gồm cả việc học lại đối với học phần đã đạt điểm 5,5 trở lên nếu học viên có nhu cầu và cơ sở đào tạo chấp nhận); cách tính điểm trung bình chung của các học phần (điểm trung bình chung tích lũy).

Điều 26. Luận văn

1. Đề tài luận văn

a) Đề tài luận văn do đơn vị chuyên môn hoặc do học viên đề xuất, có đề cương nghiên cứu kèm theo, được người hướng dẫn và trưởng đơn vị chuyên môn đồng ý; đề tài luận văn bị trùng lặp sẽ không được chấp nhận. Danh mục đề tài luận văn phải được đăng tải trên website của trường và niêm yết tại bảng tin của Phòng Đào tạo Sau đại học và Trung tâm Thông tin - Thư viện của Trường tối thiểu 2 tuần tính từ ngày Hội đồng thông qua đề cương để thu thập ý kiến phản hồi về đề tài.

b) Trên cơ sở biên bản của Hội đồng bảo vệ đề cương và đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học, Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài cho học viên và cử người hướng dẫn cho các học viên thuộc cơ sở đào tạo trường Đại học Khoa học trước khi tổ chức bảo vệ luận văn ít nhất 6 tháng.

c) Trong thời gian làm luận văn học viên có thể thay đổi tên đề tài. Trong trường hợp này, học viên phải có đơn xin gia hạn học tập (không quá 12 tháng), phải đóng các khoản kinh phí phát sinh do gia hạn thời gian học tập. Đơn phải có ý kiến của người hướng dẫn, đề nghị của Khoa chuyên môn, sự thẩm định của Phòng Đào tạo Sau đại học và được Hiệu trưởng phê duyệt. Học viên phải thông qua đề cương lần thứ 2 trước khi triển khai luận văn.

Chỉnh sửa tên đề tài luận văn chỉ diễn ra tối đa là 2 tháng trước khi bảo vệ luận văn. Sau thời hạn đó, học viên không được phép chỉnh sửa tên đề tài. Việc chỉnh sửa tên đề tài phải đảm bảo không thay đổi hướng nghiên cứu và nội dung nghiên cứu trong đề cương luận văn.

2. Yêu cầu đối với luận văn:

a) Luận văn của chương trình theo định hướng nghiên cứu là một báo cáo khoa học, có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo;

b) Luận văn của chương trình theo định hướng ứng dụng là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế;

c) Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

d) Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

đ) Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa.

e) Số trang của luận văn:

- Đối với luận văn của loại hình định hướng nghiên cứu: Luận văn khối tự nhiên không quá 70 trang, luận văn khối xã hội không quá 100 trang không bao gồm tài liệu tham khảo và phụ lục.

- Đối với luận văn của loại hình định hướng ứng dụng: Khối tự nhiên: không quá 50 trang, luận văn khối xã hội không quá 70 trang không bao gồm tài liệu tham khảo và phụ lục.

f) Không áp dụng quy định seminar luận văn đối với loại hình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng. Chỉ kiểm tra tiến độ làm luận văn do đại diện Ban chủ nhiệm Khoa chuyên môn và Phòng Đào tạo Sau đại học phối hợp thực hiện.

3. Trường quy định chung về cách thức trình bày luận văn và những yêu cầu cơ bản về bố cục của luận văn thạc sĩ theo 2 nhóm ngành: tự nhiên và xã hội. Trên cơ sở đó, các Khoa chuyên môn có thể bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với đặc trưng của chuyên ngành và loại hình đào tạo (định hướng nghiên cứu/ định hướng ứng dụng) nhưng không tạo ra mẫu luận văn hoàn toàn khác biệt với mẫu đã quy định của Trường. Sau khi các Khoa chuyên môn đăng ký mẫu luận văn thạc sĩ của đơn vị mình, Phòng Đào tạo Sau đại học sẽ trình Hiệu trưởng ký và ban hành. Mẫu luận văn được đăng tải trên trang web của Trường để học viên cập nhật và sử dụng. Phòng Đào tạo Sau đại học chịu trách nhiệm kiểm tra qui cách luận văn trước khi làm thủ tục bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ. Luận văn không đúng qui cách sẽ không được bảo vệ trước Hội đồng.

Điều 27. Hướng dẫn luận văn và điều kiện bảo vệ luận văn

1. Hướng dẫn luận văn: Thực hiện theo qui định của Bộ GD và ĐT.

a) Mỗi luận văn có một hoặc hai người hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn cần ghi rõ người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai;

b) Người có chức danh giáo sư được hướng dẫn tối đa 7 học viên; người có học vị tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh phó giáo sư được hướng dẫn tối đa 5 học viên; người có học vị tiến sĩ từ 1 năm trở lên được hướng dẫn tối đa 3 học viên trong cùng thời gian, kể cả học viên của cơ sở đào tạo khác.

c) Riêng đối với luận văn thuộc chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng thì người hướng dẫn thứ hai có thể là người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 15 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài; được hướng dẫn tối đa 2 học viên trong cùng thời gian, tính trong tất cả các cơ sở đào tạo có tham gia hướng dẫn.

2. Điều kiện bảo vệ luận văn:

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10);

b) Đạt trình độ ngoại ngữ do Giám đốc Đại học Huế quy định theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II);

c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định này;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

Điều 28. Hội đồng đánh giá luận văn

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận văn tại các trường đại học thành viên, trên cơ sở đề nghị của Trưởng Phòng đào tạo Sau đại học, trong thời hạn tối

đa 30 ngày làm việc, tính từ ngày học viên nộp luận văn và đủ điều kiện bảo vệ theo quy định tại Khoản 2, Điều 27 Quy định này.

2. Hội đồng đánh giá luận văn có năm thành viên: Chủ tịch, Thư ký, hai phản biện và ủy viên. Hội đồng có tối thiểu hai thành viên ở ngoài đơn vị đào tạo, thuộc hai đơn vị khác nhau; trong đó, ít nhất có một người giữ vai trò phản biện.

Danh sách Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ do Khoa chuyên môn đề xuất, Phòng Đào tạo Sau đại học thẩm định, điều chỉnh và trình Hiệu trưởng phê duyệt. Trong các trường hợp đặc biệt, Phòng Đào tạo Sau đại học sẽ căn cứ vào qui chế đề đề xuất Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ và trực tiếp trình Hiệu trưởng phê duyệt.

3. Yêu cầu đối với thành viên Hội đồng đánh giá luận văn:

a) Đối với luận văn theo định hướng nghiên cứu, thành viên Hội đồng là những người có học vị tiến sĩ từ 2 năm trở lên tính đến ngày có quyết định công nhận học vị hoặc có chức danh phó giáo sư, giáo sư cùng ngành, chuyên ngành đào tạo với học viên, am hiểu lĩnh vực của đề tài luận văn.

Đối với luận văn định hướng ứng dụng, trong số các thành viên Hội đồng ngoài đơn vị đào tạo phải có tối thiểu một người đang làm công tác thuộc lĩnh vực của đề tài. Trường hợp không có người đang làm công tác thực tế đủ tiêu chuẩn thành viên hội đồng theo quy định trên thì có thể mời người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 15 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài tham gia là ủy viên hội đồng;

b) Chủ tịch Hội đồng là người có năng lực chuyên môn và uy tín khoa học, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của Hội đồng;

c) Người phản biện phải là người am hiểu sâu sắc lĩnh vực của đề tài luận văn.

d) Người hướng dẫn luận văn; người có quan hệ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với người bảo vệ luận văn không tham gia Hội đồng;

đ) Thành viên Hội đồng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan trong việc nhận xét, đánh giá luận văn theo quy định tại Khoản 1, Điều 29 Quy định này.

4. Hội đồng họp để đánh giá luận văn trong thời hạn tối đa 60 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thành lập Hội đồng. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận văn trong các trường hợp sau: Vắng mặt Chủ tịch hoặc Thư ký Hội đồng; vắng mặt người có ý kiến không tán thành luận văn; vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên.

Trong trường hợp có lý do khách quan, Phòng Đào tạo Sau đại học đề xuất Hiệu trưởng ra quyết định việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Khoản 3 điều này và thời hạn tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận văn được tính từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng.

Điều 29. Đánh giá luận văn

1. Luận văn được đánh giá công khai tại phiên họp của Hội đồng (trừ một số đề tài thuộc lĩnh vực bảo mật theo quy định của cơ quan có thẩm quyền). Hội đồng tập trung chủ

yếu vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn; mức độ đáp ứng yêu cầu đối với luận văn theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định này; đảm bảo đánh giá đúng kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề mà đề tài luận văn đặt ra.

2. Điểm chấm luận văn của từng thành viên Hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn tối đa 9 điểm, điểm bài báo tối đa 1 điểm.

Điểm 9 áp dụng đối với các luận văn có hình thức trình bày đẹp, đúng qui cách, có tính mới, không sao chép, được Hội đồng đánh giá cao về chất lượng.

Học viên có bài báo sẽ được tính điểm và cộng vào điểm luận văn. Điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1 điểm cho những luận văn mà học viên đã có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quy định, được tính từ 0,1 đến 1 điểm. Các tạp chí khác không thuộc danh mục trên thì được tính từ 0,1 đến 0,5 điểm hoặc đề tài ứng dụng đã được nơi ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu. Bài báo in toàn văn trong Kỷ yếu khoa học cấp trường đại học trở lên có phản biện được tính từ 0,1 đến 0,3 điểm. Sau khi đánh giá chất lượng bài báo, Hội đồng sẽ thống nhất điểm của bài báo rồi cộng vào điểm cuối cùng.

Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên.

3. Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung để bảo vệ lần thứ hai trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bảo vệ luận văn lần thứ nhất; không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba. Nếu học viên có nguyện vọng thì thủ trưởng đơn vị đào tạo giao đề tài mới. Trong trường hợp này, không tổ chức bảo vệ lại nếu luận văn không đạt yêu cầu. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này. Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, tổ chức đánh giá lại, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

4. Hiệu trưởng quy định chi tiết việc đánh giá luận văn; hồ sơ, thủ tục buổi bảo vệ luận văn; yêu cầu đối với bản nhận xét luận văn, phiếu chấm điểm của thành viên Hội đồng, biên bản buổi bảo vệ và hướng dẫn các thành viên trong Hội đồng thực hiện.

Điều 30. Thẩm định luận văn

1. Thành lập Hội đồng thẩm định

Khi có đơn tố cáo đúng quy định của Luật Tố cáo, có căn cứ rõ ràng cho thấy luận văn không đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định này hoặc khi thấy cần thiết, Giám đốc Đại học Huế thành lập Hội đồng thẩm định luận văn. Số lượng, yêu cầu đối với thành viên Hội đồng thẩm định luận văn theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 28 Quy định này; trong đó, nếu có thành viên thuộc đơn vị đào tạo thì tối đa không quá hai người; thành viên Hội đồng thẩm định không trùng với Hội đồng đánh giá luận văn.

2. Thẩm định luận văn

a) Trước khi họp Hội đồng thẩm định, các thành viên Hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài luận văn, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của luận văn, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn thạc sĩ;

b) Việc thẩm định luận văn được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 29 Quy định này;

c) Tác giả luận văn, người hướng dẫn, thành viên Hội đồng đánh giá luận văn không tham dự phiên họp của Hội đồng thẩm định nhưng được đơn vị đào tạo thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới Hội đồng thẩm định.

3. Xử lý kết quả thẩm định luận văn không đạt yêu cầu

Nếu Hội đồng thẩm định kết luận luận văn không đạt yêu cầu thì thủ trưởng đơn vị đào tạo dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ đã cấp (nếu có) do học viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp. Những trường hợp luận văn không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

a) Trường hợp chưa bảo vệ lại luận văn, đề tài vẫn cần thiết nghiên cứu thì học viên được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại luận văn trước Hội đồng thẩm định theo quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 29 Quy định này. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này thì học viên được gia hạn tối đa không quá 3 tháng;

b) Trường hợp đã bảo vệ lại luận văn hoặc đề tài không cần thiết tiếp tục nghiên cứu, nếu học viên có nguyện vọng thì gửi đơn đề nghị Trường giao đề tài mới. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này thì học viên được thực hiện đề tài mới trong thời gian tối đa 6 tháng. Trường tổ chức đánh giá luận văn theo các quy định tại Khoản 2, Điều 27; Điều 28 và các khoản 1, 2, 4 Điều 29 Quy định này;

c) Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

Điều 31. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Nghỉ học tạm thời:

a) Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp: Được điều động vào lực lượng vũ trang hoặc làm nghĩa vụ quốc tế; bị ốm, bị tai nạn phải điều trị thời gian dài hoặc nghỉ thai sản theo quy định, có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền. Đối với các trường hợp khác, đơn vị đào tạo chỉ giải quyết cho nghỉ học tạm thời đối với học viên đã học tối thiểu một học kỳ tại đơn vị đào tạo, đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10 hoặc tương đương và không bị kỷ luật;

b) Thời gian nghỉ học tạm thời cho người được điều động vào lực lượng vũ trang, đi làm nghĩa vụ quốc tế là thời gian được ghi trong quyết định của cấp có thẩm quyền, không tính vào thời gian học theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này;

Thời gian nghỉ học tạm thời cho các trường hợp khác là thời gian cần thiết theo nhu cầu, nguyện vọng của học viên nhưng thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này;

c) Học viên có nhu cầu nghỉ học tạm thời phải gửi đơn cho Trường qua Phòng Đào tạo Sau đại học, đơn có xác nhận của khoa chuyên môn kèm theo minh chứng (giấy điều động vào lực lượng vũ trang, giấy xác nhận của cơ sở y tế, v.v...). Hiệu trưởng ra quyết định nghỉ học tạm thời (gia hạn thời gian học tập). Thời gian gia hạn không quá 12 tháng kể từ ngày ra quyết định. Hết thời gian gia hạn, học viên phải có đơn xin tiếp tục học tập gửi Phòng Đào tạo Sau đại học.

2. Chuyên cơ sở đào tạo:

a) Trong thời gian học tập, học viên được phép chuyển cơ sở đào tạo nếu chuyển vùng cư trú sang tỉnh khác, có giấy xác nhận của chính quyền địa phương hoặc học viên được tuyển dụng, điều động công tác đến tỉnh khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền, không thể tiếp tục học tập tại cơ sở đào tạo, trừ trường hợp được quy định tại Điểm c, Khoản này;

b) Điều kiện được chuyển cơ sở đào tạo: cơ sở đào tạo chuyển đến đang đào tạo đúng ngành, chuyên ngành của học viên; nguyện vọng chuyển cơ sở đào tạo của học viên phải được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị đào tạo nơi chuyển đi và nơi chuyển đến;

c) Học viên không được chuyển cơ sở đào tạo khi đang học ở học kỳ cuối của khóa học hoặc đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

d) Hồ sơ, thủ tục chuyển đi, chuyển đến bao gồm: đơn xin chuyển đi và chuyển đến trong đó có trình bày rõ lý do, đơn có chữ ký của học viên, ý kiến của khoa chuyên môn, ý kiến của Phòng Đào tạo Sau đại học, ý kiến của cơ quan nơi học viên công tác (nếu học viên thuộc diện cơ quan cử đi học), ý kiến đồng ý của cơ sở đào tạo nơi chuyển đến hoặc chuyển đi; công văn của cơ sở đào tạo nơi chuyển đi hoặc chuyển đến, quyết định của Hiệu trưởng cho phép học viên chuyển đi hoặc chuyển đến.

Thủ tục xem xét công nhận một phần hoặc toàn bộ các học phần mà học viên đã học, quyết định số học phần phải học bổ sung trên cơ sở so sánh chương trình của hai cơ sở đào tạo. Học viên phải trình bản sao bảng điểm có xác nhận của cơ quan đào tạo nơi chuyển đi về kết quả học tập, ý kiến thẩm định của Khoa chuyên môn của Trường khi tiếp nhận học viên chuyển đến.

e) Hiệu trưởng ký quyết định cho phép học viên chuyển đi hoặc tiếp nhận học viên chuyển đến và báo cáo Đại học Huế những thay đổi này.

3. Chuyển đổi chuyên ngành đào tạo: Sau khi trúng tuyển và làm thủ tục nhập học, học viên có thể chuyển đổi chuyên ngành đào tạo từ chuyên ngành dự thi sang chuyên ngành khác trong qui định cho phép. Thời hạn tối đa cho việc chuyển đổi này không quá 3

tháng đối với loại hình thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và 2 tháng đối với loại hình theo định hướng ứng dụng kể từ khi làm thủ tục nhập học. Học viên phải có đơn xin chuyển đổi chuyên ngành đào tạo có chữ ký xác nhận của khoa chuyên môn, Phòng Đào tạo Sau đại học có trách nhiệm thẩm định và đề xuất Hiệu trưởng ra quyết định.

Điều 32. Cấp bằng điểm, giấy chứng nhận, tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ

1. Cấp bằng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập:

Bảng điểm các học phần do Hiệu trưởng ủy quyền cho Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học cấp trên cơ sở dữ liệu lưu tại phòng chức năng.

Bảng điểm cuối khóa do Hiệu trưởng cấp và chỉ cấp một lần cùng với bằng thạc sĩ. Trường hợp bị mất bảng điểm cuối khóa có nhu cầu cấp lại, học viên phải làm đơn gửi Trường xin cấp bản sao.

Học viên được cấp giấy xác nhận kết quả học tập của Trường để báo cáo với cơ quan công tác hoặc bổ sung hồ sơ cá nhân.

2. Điều kiện tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ:

a) Đã tiến hành seminar luận văn và có xác nhận của Khoa chuyên môn;

b) Học viên có đủ điều kiện bảo vệ luận văn theo quy định tại Khoản 2, Điều 27 của Quy định này;

c) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

d) Đã nộp luận văn được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch Hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của Hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho đơn vị đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 33 Quy định này;

e) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Trường theo quy định tại Khoản 9, Điều 34 Quy định này;

f) Trong thời gian học tập không vi phạm pháp luật, chấp hành tốt quy định của trường, đóng học phí đầy đủ, không bị kiện cáo.

2. Hội đồng xét tốt nghiệp cao học của Trường do Hiệu trưởng quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học. Hội đồng do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền của Hiệu trưởng đơn vị đào tạo làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học làm Ủy viên thường trực, các Ủy viên là trưởng đơn vị chuyên môn có học viên tốt nghiệp, đại diện Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng; Phòng Khoa học công nghệ – Hợp tác quốc tế, Phòng Kế hoạch tài chính – cơ sở vật chất, Tổ thanh tra pháp chế. Hội đồng căn cứ vào điều kiện tốt nghiệp để xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện, đề nghị thủ trưởng đơn vị đào tạo công nhận tốt nghiệp.

3. Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ, bằng điểm cuối khóa cho học viên do Hiệu trưởng ký theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp.

4. Bảng điểm cuối khóa cấp cho học viên phải ghi rõ: ngành, chuyên ngành đào tạo, loại chương trình đào tạo (định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng), tên các học

phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm học phần, điểm trung bình chung các học phần, tên đề tài luận văn, điểm luận văn và danh sách thành viên hội đồng đánh giá luận văn. Bảng điểm được in trên giấy cứng, nền xanh nhạt ở giữa có hình trống đồng màu vàng nhạt.

5. Bằng tốt nghiệp phải tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường Đại học Khoa học lập và gửi hồ sơ đề nghị cấp phôi bằng cho Đại học Huế in ấn và cấp phôi bằng thạc sĩ. Hồ sơ gồm:

- a) Công văn đề nghị cấp phôi bằng thạc sĩ;
- b) Danh sách trích ngang học viên tốt nghiệp (theo mẫu);
- c) Các Quyết định công nhận tốt nghiệp;
- d) Các Quyết định thành lập Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ;
- đ) Các Quyết định thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);
- e) Biên bản họp Hội đồng chấm luận văn;
- g) Bảng điểm cao học;
- h) Chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định đối với thạc sĩ (bản photo có công chứng).

Quy trình cấp phôi bằng:

- a) Trường gửi toàn bộ hồ sơ đến Ban Đào tạo, Đại học Huế;
- b) Ban Đào tạo thẩm tra hồ sơ; trường sẽ giải trình (nếu có vấn đề);
- c) Ban Đào tạo xác nhận số lượng học viên đủ điều kiện cấp phôi bằng, trình Giám đốc Đại học Huế phê duyệt;
- d) Trường nhận phôi bằng tại bộ phận quản lý phôi (Văn phòng Đại học Huế).

6. Nếu học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp, không bị kỷ luật buộc thôi học, đã hết thời gian đào tạo theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này, nếu có yêu cầu thì được thủ trưởng đơn vị đào tạo cấp giấy chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

Điều 33. Chế độ báo cáo, lưu trữ

1. Chế độ báo cáo

a) Đầu tháng 12 hàng năm, Phòng Đào tạo Sau đại học gửi báo cáo đến Đại học Huế công tác đào tạo trình độ thạc sĩ của năm đó, bao gồm: Số giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo và số liệu thực hiện kế hoạch tuyển sinh theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo; số học viên hiện có và số dự kiến tốt nghiệp năm sau; dự kiến số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh cho năm sau (Phụ lục I); Đại học Huế tổng hợp và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Phòng Đào tạo Sau đại học chịu trách nhiệm về thời gian báo cáo, tính chính xác và chất lượng của báo cáo.

2. Lưu trữ

a) Tài liệu liên quan đến công tác tuyển sinh như hồ sơ tuyển sinh, báo cáo tuyển sinh danh sách thí sinh dự thi phải được bảo quản an toàn trong kho lưu trữ của Phòng Đào

tạo Sau đại học. Hiệu trưởng có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc bảo quản tài liệu lưu trữ theo quy định;

b) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại cơ sở đào tạo;

c) Luận văn đã được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, kết luận của Hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện được lưu trữ, bảo quản tại Phòng Đào tạo Sau đại học và Trung tâm thông tin – Thư viện của Trường Đại học Khoa học tối thiểu 30 năm, kể từ khi người học tốt nghiệp;

d) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ thạc sĩ như bài thi, tiểu luận, kiểm tra được lưu trữ, bảo quản tối thiểu 5 năm kể từ khi người học tốt nghiệp;

đ) Việc tiêu hủy tài liệu hết thời gian lưu trữ phải lập biên bản tiêu hủy theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương V

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA

CƠ SỞ ĐÀO TẠO, ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO, GIẢNG VIÊN, HỌC VIÊN

Điều 34. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở đào tạo và đơn vị đào tạo

1. Nhiệm vụ của Đại học Huế:

a) Xác định chỉ tiêu báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển sinh hàng năm cho các ngành, chuyên ngành đã được giao nhiệm vụ đào tạo chung trong toàn Đại học Huế;

b) Quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển, quyết định công nhận học viên;

c) Thẩm định chương trình đào tạo của các trường đại học thành viên; Thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của các đơn vị đào tạo trực thuộc;

d) Kiểm tra, hướng dẫn lập đề án, tổ chức thẩm định chương trình đào tạo của các đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ mới tại các đơn vị đào tạo; Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ của các đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ mới;

đ) Quản lý, tổ chức thanh tra, kiểm tra quá trình đào tạo thạc sĩ tại các đơn vị đào tạo;

e) Tổ chức và quản lý việc in, cấp phát phôi bằng thạc sĩ cho các trường đại học thành viên; Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ cho các đơn vị đào tạo trực thuộc;

f) Tự đánh giá và công bố công khai kết quả tự đánh giá chất lượng đào tạo; đăng ký tham gia kiểm định chương trình đào tạo thạc sĩ với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

g) Công bố công khai trên website của cơ sở đào tạo: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh; danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo, kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các ngành, chuyên ngành đã được phép đào tạo trong toàn Đại học Huế;

h) Căn cứ vào các quy định của pháp luật, quy định của Quy định này để quy định chi tiết và công bố công khai các hình thức xử lý đối với hành vi vi phạm Quy định của công chức, viên chức, giảng viên, người lao động, người học;

i) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ theo quy định tại Điều 33 Quy định này.

2. Nhiệm vụ của trường Đại học Khoa học (Ban giám hiệu, Phòng Đào tạo Sau đại học và các phòng chức năng có liên quan):

a) Hiệu trưởng ban hành Quy định đào tạo thạc sĩ, Phân cấp trong quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học trên cơ sở đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học, sau khi được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua;

b) Hỗ trợ các đơn vị chuyên môn thành lập Tiểu ban xây dựng đề án, lập hồ sơ đăng ký đào tạo cao học khi có đủ điều kiện; báo cáo đề nghị Đại học Huế cho phép xây dựng đề án và thẩm định đề án, tổ chức phiên họp của Hội đồng chuyên môn; làm việc với cơ quan thẩm định về nguồn lực sau khi có ý kiến của Đại học Huế, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo sau khi có kết quả thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện cơ sở vật chất;

c) Xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh cao học, báo cáo Đại học Huế. Thu nhận và xử lý hồ sơ cao học, bổ túc ngành gần, ngành khác, cấp chứng nhận kết quả bổ túc kiến thức, lập báo cáo tuyển sinh gửi Đại học Huế;

d) Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy đối với các ngành, chuyên ngành đã tuyển sinh;

đ) Ban hành chương trình đào tạo sau khi có thẩm định của Đại học Huế;

e) Xây dựng kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu học tập, lịch thi học kỳ. Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định;

h) Tổ chức khai giảng, quản lý việc học tập và nghiên cứu khoa học của học viên; khen thưởng, kỷ luật đối với học viên theo quy định. Quản lý toàn bộ các hoạt động của lớp liên kết ngoài trường.

g) Tổ chức bảo vệ luận văn.

i) Ban hành các quyết định và xác nhận liên quan đến quá trình đào tạo: cho phép chuyển cơ sở đào tạo, chuyển đổi chuyên ngành đào tạo, gia hạn học tập, tạm dừng học, giao đề tài luận văn thạc sĩ, thành lập Hội đồng chấm luận văn, cấp bằng điểm; giấy xác nhận kết quả học tập, công nhận học viên tốt nghiệp, cấp bằng và quản lý việc cấp bằng thạc sĩ theo quy định hiện hành;

k) Thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp cao học cho học viên, lập báo cáo gửi Đại học Huế đề nghị cấp phôi bằng;

l) Tổ chức lễ tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ;

m) Quản lý kinh phí, khai thác, tạo nguồn bổ sung; đầu tư, sử dụng và quản lý các nguồn lực khác trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo đúng quy định;

n) Tự đánh giá và công bố công khai kết quả tự đánh giá chất lượng đào tạo; đăng ký tham gia kiểm định chương trình đào tạo thạc sĩ với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

o) Công bố công khai trên website của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo, kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các ngành, chuyên ngành đã được phép đào tạo; chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy; danh sách học viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ theo từng khoá học; toàn văn các luận văn đã bảo vệ đạt yêu cầu theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo và các đề tài luận văn đang được nghiên cứu; cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng (gồm đội ngũ giảng viên giảng dạy và hướng dẫn luận văn; cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành, chuyên ngành) và các khoản thu, chi tài chính đối với người học và các thông tin khác theo quy định;

p) Căn cứ vào các quy định của pháp luật, quy định của Đại học Huế để có các hình thức xử lý đối với hành vi vi phạm Quy định của giảng viên, công chức, viên chức, người lao động, người học;

q) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ theo quy định tại Điều 33 Quy định này;

r) Bồi hoàn học phí cho người học nếu đơn vị đào tạo vi phạm Quy định này, vi phạm các quy định khác của pháp luật dẫn đến người học (không vi phạm) không được cấp bằng;

s) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ của các khoa, bộ môn chuyên môn:

a) Xây dựng đề án mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ;

b) Chủ động xây dựng đội ngũ để đảm bảo công tác đào tạo cao học. Sử dụng đội ngũ giảng viên theo đúng qui chế;

c) Phối hợp Phòng Đào tạo Sau đại học trong công tác tuyển sinh (cử giảng viên tham gia bổ túc kiến thức, đề xuất ngành gần, ngành đúng, môn bổ túc kiến thức, xác nhận bằng điểm...);

d) Xây dựng chương trình khung, đề cương chi tiết của học phần. Định kỳ 2 năm tổ chức bổ sung, điều chỉnh chương trình khung;

đ) Đề xuất biên soạn giáo trình;

e) Đề xuất kế hoạch đào tạo toàn khóa;

h) Tổ chức đón tiếp học viên thuộc các chuyên ngành do Khoa quản lý. Thông báo chương trình khung của ngành học;

g) Đề xuất giảng viên giảng dạy và thỉnh giảng, phân công và đốc thúc giảng viên tham gia giảng dạy. Bố trí nhà khách và thanh toán cho giảng viên thỉnh giảng;

i) Đề xuất danh sách Hội đồng thông qua đề cương luận văn, Hội đồng chấm luận văn bằng văn bản và bằng file mềm cho phòng chức năng thẩm định trước khi ra quyết định;

k) Tổ chức seminar luận văn trước khi bảo vệ. Thời điểm tổ chức seminar muộn nhất là trước 2 tháng trước khi bảo vệ luận văn. Gửi văn bản cho Phòng Đào tạo Sau đại học (biên bản, giấy xác nhận seminar cho từng học viên);

l) Duyệt và xác nhận đề thi, đáp án;

m) Thu nhận đề thi, đáp án và chuyển cho Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng giáo dục;

n) Tham gia Hội đồng xét tốt nghiệp cao học của Trường.

Điều 35. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm giảng viên cơ hữu của Trường và giảng viên thỉnh giảng, được phân công nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc hướng dẫn học viên thực hành, thực tập, thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ.

2. Giảng viên cơ hữu được quy định tại Điều lệ trường đại học. Việc sử dụng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng phải căn cứ qui định sử dụng đội ngũ của Trường và được Hiệu trưởng phê duyệt theo từng năm học.

3. Ngoài các tiêu chuẩn giảng viên đại học quy định tại Điều lệ trường đại học, giảng viên tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết chương trình đào tạo thạc sĩ phải có học vị tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư; giảng viên giảng dạy học phần ngoại ngữ cho các chuyên ngành không chuyên ngôn ngữ nước ngoài, giảng viên hoặc người hướng dẫn thực hành, thực tập phải có học vị thạc sĩ trở lên.

4. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên (các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nghệ nhân, nghệ sĩ... ở trong nước và nước ngoài) tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo tiêu chuẩn theo các quy định hiện hành.

5. Giảng viên có trách nhiệm thực hiện giờ giảng theo phân công, ra đề thi theo đúng qui định, coi thi, hướng dẫn luận văn và các nhiệm vụ khác.

Điều 36. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường, của Đại học Huế và của Nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ. Tuân thủ kế hoạch lên lớp theo thời khóa biểu đã ban hành.

2. Nếu giảng viên có học vị tiến sĩ tham gia lần đầu trong đào tạo cao học phải nộp cho Phòng Đào tạo Sau đại học 01 bản phô tô bằng tiến sĩ để tiện cho công tác quản lý, thanh kiểm tra và bố trí tham gia công tác đào tạo.

3. Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

3. Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Được hưởng các chính sách đối với giảng viên trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định của Nhà nước và qui định trong Chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Khoa học.

5. Không được tự tổ chức hoặc thực hiện việc phụ đạo, hướng dẫn ôn tập với mục đích để người học dự thi tuyển sinh vào đào tạo trình độ thạc sĩ.

6. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

7. Ngoài các nhiệm vụ và quyền trên, người hướng dẫn luận văn cho học viên có thêm nhiệm vụ và quyền sau:

a) Hướng dẫn học viên xây dựng và thực hiện kế hoạch nghiên cứu đề tài;

b) Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc học viên nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập theo yêu cầu của đề tài;

c) Từ chối không hướng dẫn học viên và thông báo bằng văn bản cho đơn vị đào tạo trong các trường hợp: đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định tại Điểm b, c Khoản 1 Điều 27 Quy định này; sau một tháng kể từ ngày nhận quyết định cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ hoặc học viên không tuân thủ sự hướng dẫn hoặc không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng;

d) Xác nhận kết quả nghiên cứu và duyệt luận văn của học viên; đề nghị và chịu trách nhiệm về việc đề nghị đơn vị đào tạo cho học viên bảo vệ luận văn nếu thấy đáp các ứng yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy chế này.

8. Giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, chậm hoặc vắng khi coi thi không có lý do chính đáng, chấm thi sai hoặc chậm nộp bài thi, không hoàn thành nhiệm vụ hướng dẫn luận văn bị trừ điểm trong thi đua, khen thưởng cuối năm.

Điều 37. Nhiệm vụ và quyền của học viên

1. Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà nước và của Trường.

2. Sau khi có quyết định công nhận trúng tuyển, học viên phải đến cơ sở đào tạo làm thủ tục nhập học và nghe phổ biến qui chế đào tạo, chương trình và kế hoạch đào tạo.

3. Học viên đóng học phí, bao gồm cả phần học phí tăng thêm do phải học bổ sung, học lại, bảo vệ luận văn lần hai hoặc thực hiện đề tài luận văn mới theo quy định hợp pháp của đơn vị đào tạo. Học viên không hoàn thành nghĩa vụ tài chính thì không được tham dự thi kết thúc học phần, bảo vệ luận văn và nhận bằng thạc sĩ.

4. Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức lao động của Trường.

5. Được tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến việc học tập của mình.

6. Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của Trường và Khoa chuyên môn cho việc học tập, nghiên cứu và viết luận văn.

7. Được đề nghị đơn vị đào tạo thay người hướng dẫn luận văn nếu sau một tháng, kể từ khi nhận được quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ được với người hướng dẫn hoặc không được hướng dẫn thực hiện đề tài luận văn.

8. Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo thạc sĩ.

9. Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội trong cơ sở đào tạo.

10. Được bồi hoàn học phí nếu học viên không có lỗi, do vi phạm của đơn vị đào tạo dẫn đến việc không được cấp bằng thạc sĩ.

11. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Chương VI
THANH TRA, KIỂM TRA,
KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 38. Thanh tra, kiểm tra

1. Hàng năm, Trường sẽ tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc tuyển sinh, thực hiện kế hoạch đào tạo, thi, kiểm tra, bảo vệ luận văn, công tác lưu trữ của các Khoa, Phòng chức năng có liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ; Công tác này được thực hiện bởi Ban giám hiệu, các bộ phận: Thanh tra pháp chế, Khảo thí – Đảm bảo chất lượng giáo dục, Phòng Đào tạo Sau đại học.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Huế tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về tuyển sinh, đào tạo, cấp bằng thạc sĩ của Trường theo các quy định của pháp luật.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý của mình, theo phân công và phân cấp của Chính phủ.

Điều 39. Khiếu nại, tố cáo

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm quy chế của cơ sở đào tạo, của giảng viên, cán bộ quản lý và học viên.

2. Việc khiếu nại, tố cáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật khiếu nại, tố cáo.

Điều 40. Xử lý vi phạm

1. Xử lý vi phạm trong tuyển sinh

Cán bộ tham gia công tác tuyển sinh, thí sinh dự thi trong kỳ thi tuyển sinh có hành vi vi phạm quy chế, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

2. Xử lý vi phạm trong tổ chức, quản lý đào tạo

a) Học viên nếu vi phạm này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính; bị xử lý kỷ luật theo Quy chế Học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp chính quy hiện hành.

Đối với các trường hợp: thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả trong hồ sơ tuyển sinh sẽ bị buộc thôi học. Nếu phát hiện sau khi cấp bằng thì Hiệu trưởng sẽ ra quyết định thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ đã cấp đối với người vi phạm; tùy theo mức độ nặng nhẹ để xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giảng viên, công chức, viên chức, tham gia quản lý, giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá luận văn tại Trường Đại học Khoa học nếu vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị tạm dừng việc giảng dạy, hướng dẫn luận văn, tham gia Hội đồng đánh giá luận văn trong thời hạn tối thiểu một năm, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, đưa vào xem xét thi đua hàng năm, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành; giáo viên thỉnh giảng vi phạm qui định của Trường sẽ tạm dừng hoặc dừng vĩnh viễn việc mời tham gia các hoạt động đào tạo sau đại học của Trường.

c) Các Phòng ban, Khoa và Bộ môn chuyên môn nếu vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các trách nhiệm pháp lý khác đã được quy định. Trong trường hợp này, thủ trưởng đơn vị đào tạo và những người trực tiếp vi phạm bị xử lý kỷ luật; người vi phạm gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Hiệu trưởng ra thông báo về việc xử lý vi phạm đối với thí sinh, học viên, cán bộ, giảng viên tới cơ quan, đơn vị hoặc tới địa phương nơi người đó đang làm việc, cư trú. Cơ quan có thẩm quyền xử lý cơ sở đào tạo vi phạm thông báo cho cơ quan chủ quản và thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 41. Áp dụng Quy định

1. Các khóa tuyển sinh từ ngày 30 tháng 6 năm 2014 trở về trước thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Các khóa tuyển sinh từ ngày 01 tháng 07 năm 2014 trở đi thực hiện tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ theo Quy định này.

Điều 42. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Căn cứ vào Quy định này, Trưởng các Phòng chức năng, Giám đốc Trung tâm Thông tin – Thư viện, Trưởng các Khoa và Bộ môn chuyên môn có trách nhiệm thông báo cho cán bộ, viên chức, học viên biết và tổ chức thực hiện tại đơn vị mình.

Điều 43. Điều khoản thi hành

Quy định này áp dụng trong trường Đại học Khoa học, Đại học Huế kể từ ngày ký. Mọi quy định ban hành trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Hoàng Văn Hiến

Phụ lục I

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM ...

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG.....
Số: /BC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, , ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO

Tình hình đào tạo trình độ thạc sĩ năm ... (năm hiện tại)

1. Số giảng viên cơ hữu là tiến sĩ, GS, PGS

(tổng số và theo từng ngành, chuyên ngành)

2. Thực hiện kế hoạch tuyển sinh năm ... (năm hiện tại)

Ngành, chuyên ngành	Chỉ tiêu Thông báo	Đăng ký dự thi	Trúng tuyển	Nhập học			Ghi chú
				Tập trung toàn bộ TG	Tập trung theo đợt	Tổng số	
...							
...							
Tổng số							

3. Số học viên hiện có (bao gồm cả số mới tuyển) và dự kiến tốt nghiệp

Khóa học	Số, ngày Quyết định công nhận trúng tuyển	Số học viên hiện có			Số học viên dự kiến tốt nghiệp năm ... (năm sau)			Ghi chú
		Tập trung toàn bộ thời gian	Tập trung theo đợt	Tổng số	Tập trung toàn bộ thời gian	Tập trung theo đợt	Tổng số	

4. Đăng ký tuyển sinh năm ... (năm sau)

- Số lần tuyển sinh:
- Thời điểm tuyển sinh:
- Chỉ tiêu tuyển sinh:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Phụ lục II

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (Kèm theo Thông tư số: 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
Cấp độ 3	TRKI 1	DEL F B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, cơ sở đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

Phụ lục III

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC.....

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÔI BẰNG ĐỢT NĂM

(Kèm theo công văn số.....ngày.....)

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Khóa tuyển sinh		Kết quả học tập		Ngoại ngữ			Những thay đổi trong quá trình ĐT			QĐ tốt nghiệp		Ghi chú
					Đợt	Năm	Toàn khóa	Điểm LV	Tiếng	Loại CC	Ngày cấp	QĐ số	Hình thức	Thời gian	Số	Ngày	
1. CHUYÊN NGÀNH:.....																	
2. CHUYÊN NGÀNH:.....																	
3. CHUYÊN NGÀNH:.....																	

Tổng số học viên được đề nghị cấp phôi bằng:..... người

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG